TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ NAM CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**132**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2022
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan;
Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lý– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:193/2022/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số:163/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tiên T**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: H16, ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.
- Bị đơn: Anh **Trần Ngọc L**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: 2/2C đường D2, khu phố 1, phường H, thành phố B, tỉnh Đ
(Chị T có đơn xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tiên T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc L kết hôn năm 2017 tại Uỷ ban nhân dân nhân phường H, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Vì không muốn cuộc sống gia đình tan vỡ hai vợ chồng đã ngồi lại với nhau để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Chị và anh L đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không hoà thuận, tình cảm nay cũng không còn, vợ chồng cảm thấy không thể

chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị T xác định có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/9/2018. Ly hôn chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Tại biên bản làm việc anh Trần Ngọc L trình bày**: Về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Tiên T; Về con chung có 01 con chung cháu Trần Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/9/2018, hiện nay cháu Ch đang ở với chị T, ly hôn anh đồng ý giao cháu Ch cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tiên T, cho chị Nguyễn Thị Tiên T được ly hôn với anh Trần Ngọc L; Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/9/2018 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tiên T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về thủ tục tố tụng**:

- ***Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng***:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Tiên T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc L. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị Tiên T là nguyên đơn, anh Trần Ngọc L là bị đơn.

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại thành phố B, tỉnh Đ và hiện nay đang sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tiên T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Trần Ngọc L nhưng anh L không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tham gia xét xử; chị T có đơn vắng mặt, căn cứ và Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với chị T, anh L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Nguyễn Thị Tiên T và anh Trần Ngọc L tự nguyện kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đ. Được Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96/2017 ngày 23/9/2017. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 3 năm 2020 chị và anh L sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Xác minh tại Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố B hiện nay chị T đã đưa con về quê sống khoảng một năm nay. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L theo như chị T khai là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với anh L nữa và tại biên bản làm việc với Toà án anh L cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Tiên T được ly hôn với anh Trần Ngọc L.

- ***Về con chung***: Giao cháu Trần Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/9/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về tài sản chung và nợ chung***: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tiên T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Tiên T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tiên T, chị Nguyễn Thị Tiên T được ly hôn với anh Trần Ngọc L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/9/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST: Chị Nguyễn Thị Tiên T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Tiến đã nộp tại biên lai số 0001117 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Nguyễn Thị Tiên T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tiên T, anh Trần Ngọc L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thiều Thị Phi Loan **Trần Văn Chánh** **Nguyễn Thị Quỳnh**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh

NAM ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN NAM ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thìn **Huỳnh Thị Kim Kiên** **Nguyễn Thị Quỳnh**

TM.NAM ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường An Bình,TP.B;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04/9/2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh- Cán bộ hưu trí.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên- Nam liên hiệp phụ nữ thành phố B.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1710/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 20120 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hằng, sinh năm 1976.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà Hằng và ông Khoa có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NAM ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: bà Trần Thị Hằng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973; Địa chỉ: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3,

phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ . Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ. Ngày 31/7/2020 ông Trần Văn Khoa có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chưng cứ và hoà giải và vắng mặt tại các phiên toà khi xét xử nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Khoa. Ngày 13/8/2020, bà Trần Thị Hằng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Hằng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa tự nguyện kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/1995. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông Khoa nghiện rượu, cờ bạc, nhiều lần ông Khoa đánh đập bà. Mỗi lần đánh đập bà, bà có báo chính quyền địa phương, có thời gian ông Khoa bị đưa đi cải tạo 02 năm nhưng khi trở về vẫn không thay đổi, tính nào tật đó. Ngày 17/4/2020 Công an phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Khoa về "hành vi lặng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên trong gia đình". Tuy bị ông Khoa nhiều lần đánh đập nhưng nghĩ về con cái nên bà đã cố chịu đựng nhưng ông Khoa càng ngày càng bạo lực hơn, đe doạ tính mạng của bà và các con. Từ tháng 3/2020 đến nay bà và ông Khoa sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Khoa. Xét yêu cầu ly hôn của bà Hằng là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, việc bà Hằng xin ly hôn với ông Khoa là hoàn toàn có căn cứ nên Nam đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: có 03 con chung là cháu Trần Thị Hồng Huyền, sinh ngày 19/11/1995, cháu Trần Thế Anh, sinh ngày 07/11/1999 và cháu Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 18/01/2007. Ly hôn bà Hằng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hùng, ông Khoa cũng đồng ý giao cháu Hùng cho bà Hằng nuôi. Do đó, Nam đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Hùng đang ở với bà Hằng, do bà Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về việc học tập và sinh hoạt cho cháu Hùng, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Hằng, giao cháu Hùng cho bà Hằng chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Khoa không phải cấp dưỡng nuôi con cháu Hùng. Riêng cháu Huyền, cháu Anh đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Khoa được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung: Ý kiến của Nam thẩm nhân dân Chánh:Về tài sản chung: Bà Hằng và ông Khoa tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết; về nợ chung: Bà Hằng và ông Khoa khai không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: Bà Trần Thị Hằng phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Nam đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

NAM ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN NAM ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chánh Huỳnh Thị Kim Kiên Nguyễn Thị Quỳnh

NAM ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Nam thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**